# BIỂU PHÍ SẢN PHẨM BẢO HIỂM
# TỬ VONG VÀ THƯƠNG TẬT DO TAI NẠN 2025

(Đơn vị : đồng)

| Nhóm nghề nghiệp | Tỷ lệ Phí bảo hiểm (Tính trên 1.000 Số tiền bảo hiểm) | |
|---|---|---|
| | Tiêu chuẩn | Nâng cao |
| 1 | 0,87 | 1,94 |
| 2 | 1,14 | 2,46 |
| 3 | 1,56 | 3,38 |
| 4 | 2,46 | 5,41 |

Đối với trường hợp Người được bảo hiểm là trẻ em độ tuổi từ 0 đến 3 tuổi:

| Tuổi | Tỷ lệ Phí bảo hiểm (Tính trên 1.000 Số tiền bảo hiểm) | |
|---|---|---|
| | Tiêu chuẩn | Nâng cao |
| 0 | 0,22 | 0,48 |
| 1 | 0,45 | 0,98 |
| 2 | 0,68 | 1,47 |
| 3 | 0,91 | 1,98 |

Tỷ lệ phí theo định kỳ đóng phí

| Định kỳ đóng phí | Hàng năm | Hàng nửa năm | Hàng quý | Hàng tháng |
|---|---|---|---|---|
| Hệ số định kỳ đóng phí | 1,00 | 0,53 | 0,28 | 0,1 |